

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/DS-ST
Ngày: 19/7/2023
V/v “T/c hợp đồng vay”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ông Đỗ Văn Chúc
2. Ông Lê Văn Gân

- Thư ký phiên tòa: Châu Thị Phượng Liên, Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Không tham gia

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 642/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Đ, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp Long Hưng 1, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện hợp pháp cho bà Đ: là bà Trần Thị Đ, sinh năm 1960 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 2 Thị Trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

2. Bị đơn: Lý Thị B, sinh năm 1961 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Long Hưng 1, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị Đ và lời trình bày của bà Trần Thị Đ đại diện theo ủy quyền của bà Đ như sau:

Vào ngày 30/12/2020 bà Đ có cho bà B vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa 5%/ tháng, có làm biên nhận. Thời hạn vay 6 tháng trả. Ngoài ra trước đây không nhớ ngày tháng năm có cho bà B vay, bà B có trả rồi nhưng còn nợ lại 6.000.000 đồng nên đến ngày 30/12/2020 viết giấy nợ 6.000.000 đồng. Tổng cộng bà

B còn nợ bà Đ số tiền 31.000.000 đồng. Nay bà Đ yêu cầu bà B phải trả cho bà Đ số tiền 31.000.000 đồng. Lãi là 10%/ năm tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử.

Theo tự khai của bà Lý Thị B như sau: Bà có vay của bà Đ số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng đóng 2.500.000 đồng, bà đóng lãi đến tháng 10/2022 thì ngưng vì bị bệnh phải mổ nên không có tiền trả kéo dài đến khoảng đầu năm 2023 bà có năn nỉ bà Đ đừng lấy lãi nữa cho bà trả vốn thì Đ đồng ý cho trả tuần 250.000 đồng tiền vốn, bà trả được 17 tuần, thì Đ nói phải trả tháng 1.500.000 đồng mới chịu, bà nói không có khả năng thì Đ nói không trả 1.500.000 đồng thì bà Đ khởi kiện. Còn số tiền 6.000.000 đồng là tiền lãi của số tiền 25.000.000 đồng lúc bà bệnh không có trả lãi nên bà Đ kêu viết giấy nợ 6.000.000 đồng, chứ không phải tiền vốn. Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà Đ 25.000.000 đồng. Do bà B không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa được nên có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự “Tranh chấp hợp đồng vay”. Nguyên đơn, bị đơn có nơi cư trú thuộc huyện Châu Thành nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bà Đ và bà B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đủ căn cứ để xét xử vắng mặt đương sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ. Hội đồng xử án xét thấy:

[1] Theo bà Đ ngày 30/12/2020 bà có cho bà B vay số tiền 25.000.000 đồng có làm biên nhận. Bà B cũng thừa nhận có vay của bà Đ 25.000.000 đồng nên hợp đồng vay nợ giữa bà Đ và bà B là có thật. Theo bà B thì cho là từ khi vay có đóng lãi và trả vốn được 17 tuần số tiền 4.250.000 đồng. Số tiền 6.000.000 đồng là tiền lãi nhưng bà viết giấy nhận nợ chứ không phải tiền vay. Phía bà Đ không thừa nhận cho là bà B không có đóng lãi và trả vốn, số tiền 6.000.000 đồng là tiền vay. Bà B cũng không có giấy tờ hay chứng cứ chứng minh là có đóng lãi trả vốn cho bà Đ và số tiền 6.000.000 đồng là tiền lãi nên lời trình bày của bà B không có cơ sở chấp nhận. Sau khi vay bà B không trả đúng cam kết làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà Đ nên bà Đ khởi kiện yêu cầu bà B trả số tiền vốn 31.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2] Về lãi suất: Bà Đ yêu cầu tính lãi 10%/ năm từ ngày 30/12/2020 đến ngày xét xử là 30 tháng 19 ngày số tiền là 7.912.400 đồng là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận

[3] Về án phí: Bà B là người cao tuổi nên miễn án phí theo điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Đ vì yêu cầu được chấp nhận.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; 227; 228; 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Trần Thị Đ

Buộc bà Lý Thị B phải trả cho bà Đ số tiền vốn 31.000.000 đồng. Lãi là 7.912.400 đồng.

Về án phí: Bà B là người cao tuổi nên miễn án phí theo điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí mà bà Đ nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu thành số tiền 1.100.000 đồng, biên lai số 0016579, ngày 09/5/2023.

Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải trả lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án xử công khai. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thu Hằng

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.... giờ.....phút, ngày 19 tháng 7 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Chúc và ông Lê Văn Gân

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 642/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Trần Thị Đ, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp Long Hưng 1, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện hợp pháp cho bà Đ: là bà Trần Thị Đ, sinh năm 1960 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 2 Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

2. *Bị đơn*: Lý Thị B, sinh năm 1961 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Long Hưng 1, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Các đương sự tranh hợp đồng góp hụi và bị đơn có nơi cư trú thuộc huyện Châu Thành nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bà Đ, bà B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự đủ căn cứ xét xử vắng mặt các đương sự. Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3

Về điều luật áp dụng: Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; 227; 228; 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về yêu cầu khởi kiện. Thành phần Hội đồng xét xử thảo luận và có ý kiến: Theo bà Đ ngày 30/12/2020 bà có cho bà B vay số tiền 25.000.000 đồng có làm biên nhận. Bà B cũng thừa nhận có vay của bà Đ 25.000.000 đồng nên hợp đồng vay nợ giữa bà Đ và bà B là có thật. Theo bà B thì cho là từ khi vay có đóng lãi và trả vốn được 17 tuần số tiền 4.250.000 đồng. Số tiền 6.000.000 đồng là tiền lãi nhưng bà viết giấy nhận nợ chứ không phải tiền vay. Phía bà Đ không thừa nhận cho là bà B không có đóng lãi và trả vốn, số tiền 6.000.000 đồng là tiền vay. Bà B cũng không có giấy tờ hay chứng cứ chứng minh là có đóng lãi trả vốn cho bà Đ và số tiền 6.000.000 đồng là tiền lãi nên lời trình bày của bà B không có cơ sở chấp nhận. Sau khi vay bà B không trả đúng cam kết làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà Đ nên bà Đ khởi kiện yêu cầu bà B trả số tiền vốn 31.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Bà Đ yêu cầu tính lãi 10%/ năm từ ngày 30/12/2020 đến ngày xét xử là 30 tháng 19 ngày số tiền là 7.912.400 đồng là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận

Sau khi bàn bạc và có ý kiến như trên, Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Trần Thị Đ. Buộc bà Lý Thị B phải trả cho bà Đ số tiền vốn 31.000.000 đồng. Lãi là 7.912.400 đồng.

**Các vấn đề khác hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3:*

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc đương sự nộp theo quy định pháp luật
- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật
- Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải trả lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 19 tháng 7 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Chúc Lê Văn Gân

Đỗ Thị Thu Hằng

